

Số: /KH-UBND

Hải Ninh, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2026

Thực hiện Văn bản số 5353/SNNMT-TTCN ngày 07/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc Xây dựng Đề án sản xuất vụ Đông 2026; Ủy ban nhân dân phường xây dựng Kế hoạch như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2025

1. Kết quả đạt được

1.1. Kết quả sản xuất

- Ngô lấy hạt: 4 ha; năng suất 35 tạ/ha; sản lượng 13 tấn.
- Rau các loại: 16,6 ha; năng suất 54 tạ/ha; sản lượng 89,6 tấn.
- Khoai lang: 2,5 ha; năng suất 96 tạ/ha; sản lượng 24 tấn.

1.2. Kết quả thực hiện các mô hình

Đánh giá kết quả thực hiện các mô hình sản xuất cây trồng vụ Đông trên địa bàn (Nêu rõ quy mô, địa điểm, đối tượng sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, hiệu quả kinh tế, thị trường tiêu thụ....).

1.3. Kết quả thực hiện chính sách

a. Chính sách hỗ trợ giống ngô của tỉnh theo Quyết định số 44/QĐBVĐCTr ngày 10/12/2025 của Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam

+ Công tác triển khai thực hiện:

+ Kết quả thực hiện:

TT	Giống ngô	Lượng giống (kg)	Số tiền (triệu đồng)
1	Ngô nếp		
	Giống HN68	80	
	Giống...		
2	Ngô lai		

	Giống CP521	40	
	Giống...		

+ Đánh giá thời vụ thực hiện, hiệu quả, thuận lợi, khó khăn :

1. Đánh giá thời vụ thực hiện

- Mô hình được triển khai từ tháng 2,3 dương lịch, thời tiết bảo đảm cho cây sinh trưởng và phát triển tốt.

- Giống ngô nếp HN68 có thời gian sinh trưởng ngắn (khoảng 65–70 ngày vụ Hè Thu), phù hợp với cơ cấu luân canh, giúp giải phóng đất sớm để bố trí cây trồng vụ tiếp theo.

- Giống ngô lai CP521 có thời gian sinh trưởng trung bình, phù hợp với điều kiện canh tác trên địa bàn và thích ứng với cơ cấu sản xuất ngô lấy hạt.

2. Hiệu quả thực hiện

- Cả hai giống đều sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ nảy mầm cao, cây sinh trưởng đồng đều.

- Giống ngô nếp HN68 cho bắp to, hạt trắng, dẻo, thơm. Tiềm năng năng suất bắp tươi đạt khoảng 14–16 tấn/ha trong điều kiện thâm canh.

- Giống ngô lai CP521 cho khả năng chống chịu khá, bắp đều, năng suất ổn định, góp phần nâng cao thu nhập cho người sản xuất.

- Mô hình bước đầu khẳng định tính phù hợp của hai giống với điều kiện đất đai và khí hậu tại Hải Ninh, tạo cơ sở để khuyến cáo mở rộng diện tích trong các vụ tiếp theo.

3. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND phường, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và cơ quan chuyên môn.

- Người dân có kinh nghiệm trồng ngô, tích cực tiếp thu hướng dẫn kỹ thuật.

- Điều kiện đất đai phù hợp, chủ động nguồn nước tưới ở phần lớn diện tích.

- Chất lượng giống tốt, tỷ lệ nảy mầm cao, khả năng chống đổ và chống chịu sâu bệnh của các giống khá.

4. Khó khăn

- Thời tiết diễn biến thất thường, nắng nóng kéo dài xen kẽ các đợt mưa lớn ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây.

- Một số đối tượng sâu bệnh như sâu keo mùa thu, sâu đục thân và chuột gây hại cục bộ, cần tăng cường công tác theo dõi và phòng trừ.

- Giá vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) còn ở mức cao, làm tăng chi phí sản xuất.

- Giá tiêu thụ ngô chưa thực sự ổn định, đầu ra phụ thuộc nhiều vào thương lái, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của người sản xuất.

2. Tồn tại, hạn chế

- Quy mô thực hiện mô hình còn nhỏ, chưa hình thành vùng sản xuất tập trung nên hiệu quả liên kết và khả năng nhân rộng còn hạn chế.

- Một số hộ dân chưa tuân thủ đầy đủ quy trình kỹ thuật về mật độ gieo trồng, bón phân cân đối và phòng trừ sâu bệnh, ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất của cây ngô.

- Điều kiện thời tiết diễn biến phức tạp (nắng nóng kéo dài, mưa lớn cục bộ) ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển của cây trồng.

- Chi phí đầu tư sản xuất (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, nhân công) còn cao, trong khi giá bán sản phẩm chưa ổn định nên hiệu quả kinh tế chưa đạt như kỳ vọng.

- Công tác liên kết tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế, chủ yếu tiêu thụ qua thương lái, chưa có hợp đồng bao tiêu ổn định.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2026

1. Chỉ tiêu sản xuất vụ Đông 2026

- Ngô lấy hạt: 5 ha; năng suất 35 tạ/ha; sản lượng 17,5 tấn.

- Rau các loại: 18,6 ha; năng suất 54 tạ/ha; sản lượng 100,4 tấn.

- Khoai lang: 2,5 ha; năng suất 100 tạ/ha; sản lượng 25 tấn.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Về tổ chức sản xuất các cây trồng chính

- Tổ chức sản xuất theo đúng khung lịch thời vụ, lựa chọn cơ cấu giống phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai và nhu cầu thị trường; ưu tiên sử dụng các giống có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu sâu bệnh tốt.

- Duy trì và mở rộng diện tích các giống cây trồng có hiệu quả kinh tế cao như ngô nếp HN68, ngô lai CP521 và các giống lúa chất lượng.

- Tăng cường hướng dẫn nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến, sử dụng phân bón cân đối, tiết kiệm nước tưới và thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo, phòng trừ sâu bệnh.

- Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất, hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với cơ giới hóa và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

2.2. Ứng dụng khoa học công nghệ; xây dựng, phát triển mô hình

- Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như sử dụng giống mới, phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học, hệ thống tưới tiết kiệm và cơ giới hóa các khâu sản xuất.

- Tiếp tục xây dựng, theo dõi và đánh giá các mô hình khảo nghiệm giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng và khả năng thích ứng với điều kiện địa phương.

- Tăng cường chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thông qua các lớp tập huấn, hội thảo đầu bờ và tham quan học tập mô hình.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc và quảng bá sản phẩm nông nghiệp.

2.3. Chính sách

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp của Trung ương và tỉnh; ưu tiên hỗ trợ giống, vật tư và xây dựng mô hình sản xuất.

- Đề xuất ban hành các cơ chế hỗ trợ mở rộng mô hình cây trồng có hiệu quả, hỗ trợ cơ giới hóa và ứng dụng khoa học kỹ thuật.

- Tăng cường nguồn lực cho công tác khuyến nông, đào tạo kỹ thuật và xây dựng các mô hình trình diễn.

2.4. Liên kết, tiêu thụ sản phẩm

- Tăng cường liên kết giữa người sản xuất với hợp tác xã, doanh nghiệp và các cơ sở thu mua nhằm xây dựng chuỗi liên kết ổn định từ sản xuất đến tiêu thụ.

- Khuyến khích ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm đối với các mô hình sản xuất tập trung.

- Đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu sản phẩm thông qua các hội chợ, sàn thương mại điện tử và nền tảng số; xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc nhằm nâng cao giá trị sản phẩm.

- Hỗ trợ các tổ hợp tác, hợp tác xã tham gia các chương trình OCOP và phát triển sản phẩm đặc trưng của địa phương.

3. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Tĩnh, Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí xây dựng các mô hình trình diễn, khảo nghiệm giống cây trồng mới phù hợp với điều kiện địa phương.

- Đề nghị hỗ trợ giống, vật tư nông nghiệp, chế phẩm sinh học và kinh phí tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người dân.

- Đề nghị có chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phát triển chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

- Đề nghị tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng, giao thông phục vụ sản xuất và hỗ trợ cơ giới hóa nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn phường Hải Ninh./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị;
- Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp;
- Lưu VT, VHXXH;

Gửi Văn bản điện tử./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Danh Hiệp